

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 59/2025/HSST
Ngày 24 - 4- 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Hồng Nhật

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2025/HSST ngày 21 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/HSST-QĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở phiên tòa số 10B/TB-TA ngày 27 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh ngày 16/10/2002 tại T; Hộ khẩu thường trú: thôn L, xã V, huyện V1, tỉnh T. Chỗ ở: Số nhà 273, đường L1, tổ 3, phường K, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân P và bà Lê Bích H1; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/01/2025 đến nay; *Có mặt tại phiên tòa.*

* **Bị hại:** Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1991; Trú tại: khu B, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh V2. (*Vắng mặt*)

* **Người làm chứng:**

- Anh Trần Xuân U, sinh năm 1980; Trú tại: thôn L, xã V, huyện V1, tỉnh T. (*Vắng mặt*)

- Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1993; Trú tại: thôn Đ, xã T1, huyện K1, tỉnh H2. (Vắng mặt)

- Anh Phạm Văn C, sinh năm 1997; Trú tại: thôn N, xã T1, huyện K1, tỉnh H2. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn H làm nghề mua bán xe ô tô, xe máy cũ cùng bố mẹ đẻ của mình. Ngày 19/6/2024 H biết anh Trần Xuân U là người cùng thôn có ý định bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Cross, màu sơn đen, biển số đăng ký 17A-240.01 của anh U nên H đã gọi điện cho anh U để xem xe và hỏi giá bán thì được anh U gửi vị trí để xem xe tại Giáo xứ C1 ở xã Đ1, huyện H3, tỉnh T. H đến địa điểm trên xem xe, chụp ảnh xe, xin thông tin về xe sau đó hỏi giá bán thì anh U nói "trả đủ 600.000.000 đồng thì mới bán", H nói "để về xin ý kiến sắp đã". Anh U cũng không nhờ H bán hộ chiếc xe trên.

Sau khi có hình ảnh, thông tin chiếc xe trên sáng ngày 20/6/2024 H sử dụng tài khoản facebook của H là "Tran Gia H4" đăng lên mạng xã hội Facebook với nội dung "có chiếc xe cần bán, hình ảnh xe, số điện thoại của H 0986946283, giá bán 6xx, ai nhu cầu xem xe tại thành phố T". Trưa cùng ngày H gọi điện cho anh Nguyễn Thế A là chủ cửa hàng mua bán xe ô tô cũ tên "Ngõng Còi" (Ngõng Kòi) có địa chỉ tại thôn N, xã T1, huyện K1, tỉnh H2 để chào bán chiếc xe ô tô của anh U với nội dung "em có chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Cross, màu sơn đen, đời 2023, bản 1.8V, xe chạy 03 vạn km, tình trạng xe bị va phần đầu, nổ túi khí, thay cản trước, thay capo, thay túi khí, toàn bộ xe thay hết đồ trong hăng, không đưa vào lịch sử phần bảo dưỡng, anh mua được giá bao nhiêu". H gửi ảnh tình trạng lúc xe bị va chạm cho anh A và báo giá 635.000.000 đồng, anh A bảo H làm giá xuống còn 615.000.000 đồng, trong đó đã bao gồm 15.000.000 đồng tiền hoa hồng cho H, H đồng ý. Sau đó H gửi vị trí Giáo xứ C1 để anh A sang xem xe của anh U. Chiều ngày 20/6/2024, anh A sang chỗ anh U xem xe và thỏa thuận mua bán. Ngày 24/6/2024 anh A gọi điện lại cho H để thông báo việc anh A đã mua được chiếc xe ô tô trên, xin lại H 3.000.000 đồng để rút hồ sơ xe và bảo H gửi số tài khoản để chuyển tiền hoa hồng, H đồng ý. Anh A sử dụng số tài khoản 688868888888, ngân hàng MB chuyển 12.000.000 đồng đến số tài khoản 9582688233, ngân hàng Vietcombank, mang tên Trần Văn H.

Cùng thời điểm sau khi H đăng bài bán chiếc xe trên ở mạng xã hội Facebook thì còn có anh Nguyễn Ngọc S gọi điện cho H để hỏi thông tin xe và giá bán. Sau đó H sử dụng tài khoản zalo "Gia Huy" đăng ký bằng số điện thoại 0582688233 nhắn tin nói chuyện với anh S qua tài khoản zalo ""Nanos". H báo

giá bán xe là 635.000.000 đồng. Anh S nhờ H báo giá thiện chí của chủ xe để anh S đến xem và mua xe, sau khi việc mua bán thành công thì anh S trả tiền hoa hồng cho H sau. Anh S xin H địa chỉ để đến xem xe nhưng H lấy lý do bận công việc nên chưa ấn định được ngày để anh S đến xem xe. Ngày 24/6/2024, sau khi chiếc xe ô tô trên đã được anh U bán cho anh A và H đã nhận được tiền hoa hồng bán xe nhưng do đang nợ tiền một số người chưa có tiền trả nên khi nói chuyện với anh S thì H không cho anh S biết việc chiếc xe trên đã bán mà vẫn hứa hẹn sắp xếp thời gian để anh S xem xe mục đích để anh S đặt cọc tiền mua xe sau đó lấy tiền đó để trả nợ. Anh S tin vào việc chiếc xe chưa có ai mua, để chắc chắn mua được chiếc xe nên vào ngày 26/6/2024, anh S đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của H số tiền 5.000.000 đồng để đặt cọc và nhờ H làm thủ tục mua bán. Sau khi anh S chuyển tiền đặt cọc, H hẹn giao xe khoảng 2-3 lần nhưng đều không giao xe cho anh S. Anh S có nhắn tin, gọi điện nhiều lần nhưng H lấy nhiều lý do chưa bàn giao xe cho anh S được. Đến ngày 19/7/2024, anh S tình cờ xem được bài đăng bán xe ô tô của tài khoản Facebook "Ngỗng Còi", chiếc xe ô tô có đặc điểm như chiếc ô tô mà H đã bán. Anh S đã liên hệ với anh A để hỏi thì được biết anh A đã mua chiếc xe trên từ ngày 20/6/2024. Ngày 11/12/2024, anh S đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình trình báo sự việc nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKSTPTB ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố Trần Văn H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã mô tả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Trần Văn H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Trần Văn H mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phạt tiền theo khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự do bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường của bị cáo với bị hại. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ buộc tội đối với bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng, phù hợp về thời gian, địa điểm, số tiền bị cáo đã chiếm đoạt và các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 26/6/2024 Trần Văn H đã có hành vi đưa thông tin gian dối, hứa hẹn sẽ giới thiệu để anh Nguyễn Ngọc S mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Cross, màu sơn đen, biển số đăng ký 17A-240.01 của anh Trần Xuân U mà chiếc xe trên đã được bán cho anh Nguyễn Thế A, nhằm chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng đặt cọc để mua xe của anh S. Bị cáo đã chiếm đoạt và tiêu sài cá nhân hết. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định: “1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2.....”

Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội nên cần thiết phải xét xử nghiêm minh, dành cho bị cáo mức hình phạt thỏa đáng mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng với bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

nào theo Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt được; bị hại đã nhận đủ tiền và có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Từ những phân tích và nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt của bị hại. Bị hại đã nhận đủ tiền và không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Văn H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/4/2025. Bị hại anh Nguyễn Ngọc S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình (PC10; PV06);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Khánh Linh

